

Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến D;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 770/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5533/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mã Thị Thảo N, sinh năm 1968

Thường trú: A, cư xá B, số C, đường D, khu phố 7, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trương Anh D, sinh năm 1969

Thường trú: A, cư xá B, số C, đường D, khu phố 7, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của N đơn bà Mã Thị Thảo N trình bày các yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông D tiến tới hôn nhân vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 08/5/1999, có tổ chức kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về mọi mặt, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã lẫn nhau, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Hiện hai bên đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, bản thân bà xác định tình cảm không còn, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn;

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Minh Toàn, sinh ngày 19/4/2001 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: bà xác định không có.

* Bị đơn ông Trương Anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Mã Thị Thảo N khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với ông Trương Anh D căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông D cư trú tại thành phố Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời phía nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyền số 48 do Ủy ban nhân dân phường Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 08/5/1999 và lời trình bày của nguyên đơn về quá trình hôn nhân giữa bà và ông D có cơ sở xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ văn bản số 836/UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình; Căn cứ lời trình bày của đương sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống, hai ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã có nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông D đã được tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức không muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, như vậy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh số 483/TLKS-BS ngày 18/6/2016 do Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, quận Thủ Đức cấp và lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định quá trình sống chung của ông bà có 01 con chung tên Trương Minh Toàn, sinh ngày 19/4/2001 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

- Về nợ chung: bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

- Về án phí: bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mã Thị Thảo N về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với ông Trương Anh D.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Mã Thị Thảo N được ly hôn với ông Trương Anh D;

- Về con chung: có 01 con chung tên Trương Minh Toàn, sinh ngày 19/4/2001 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có.

2-/ Về án phí: Bà Mã Thị Thảo N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0057553 ngày 06/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3-/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng